

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36//2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9-2020
V/v *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Ông Đoàn Văn Lắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2020/TLST-HN ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXX – HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 40a/2020/QĐST-HN ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; Trú tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Tấn L, sinh năm 1974; Trú tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L tìm hiểu, anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Anh L thường xuyên uống rượu về nhà đập phá đồ đạc và đánh đập chị.

Vợ chồng ly thân cách nay 10 năm cho đến nay.

Nay chị thấy tình cảm với anh L không còn nên xin ly hôn với anh Lộc.

Về con chung: có hai con chung tên Lê Quang T1, sinh ngày 06-01-2004 và Lê Minh T2, sinh ngày 13/10/2005. Hiện nay con đang sống với chị, khi ly hôn chị xin nuôi hai con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Anh Lê Tấn L vắng mặt nên không có trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể anh L vắng mặt trong các lần tòa mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Lê Tấn L. Con chung chị T trực tiếp nuôi con chung tên Lê Quang T1, sinh ngày 06-01-2004 và Lê Minh T2, sinh ngày 13/10/2005. anh L không phải cấp nuôi con do chị T không yêu cầu. Tài sản chung: Không có nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Anh Lê Tấn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Tấn L kết hôn vào năm 2005, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, chị T cho rằng: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do anh L thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập chị và vợ chồng ly thân cách nay 10 năm cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh L. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị T và anh L thì bà B (mẹ ruột chị T) cho biết anh L cũng lo làm ăn nhưng thường xuyên nhậu nhẹt. Đi nhậu về là anh L đập phá đồ đạc trong nhà và đánh đập chị T bà thấy con bà sống với anh L quá khổ. Như vậy, giữa chị T và anh L mâu thuẫn là có thật. Anh L đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn, chứng tỏ anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Lê Quang T1, sinh ngày 06-01-2004 và Lê Minh T2, sinh ngày 13/10/2005, khi ly hôn chị T xin nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu T1, cháu T2 có nguyện vọng sống với chị T. Tại Khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định "...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.". Việc chị T yêu cầu nuôi cháu T1, cháu T2 phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Hiện 02 cháu đang ở với chị T, chị T cũng có điều kiện nuôi dạy hai cháu nên để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho cháu T1 và cháu T2 Hội đồng xét xử giao cháu T1 và cháu T1 cho chị T nuôi là phù hợp. Việc chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí ly hôn: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định là 300.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh T.

Chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Lê Tấn L.

2. *Về con chung*: Chị T trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Quang T1, sinh ngày 06-01-2004 và Lê Minh T2, sinh ngày 13/10/2005, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84, điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị T trình bày không có nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Chị T trình bày không có nên không xem xét.

5. *Án phí*: Chị Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0012134 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- UBND xã H (số 24, ngày 20/5/2005;
- Dương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Uyên